

## DANH MỤC CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KÝ QUỸ TẠI NHSV

Áp dụng từ ngày

15/06/2026

| STT | Mã CK | Sàn  | Tên công ty   | Tỷ lệ cho vay (%) | Tỷ lệ ký quỹ (%) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb | Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a) | Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a) | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b) | Giá chặn (Pm) |
|-----|-------|------|---|-------------------|------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|--|--|--|--|---------------|
| 1   | AAA   | HOSE | Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh                                     | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 80%  | 0%   | 80%  | 0%   | 15,400        |
| 2   | ACB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu                                   | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 30,500        |
| 3   | ACG   | HOSE | Công ty Cổ phần Gỗ An Cường   | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 40%  | 0%   | 40%  | 0%   | 40,700        |
| 4   | ADS   | HOSE | Công ty Cổ phần DAMSAN  | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 8%   | 0%   | 8%   | 0%   | 9,300         |
| 5   | AGG   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia              | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 32%  | 0%   | 32%  | 0%   | 17,500        |
| 6   | AGR   | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán AGRIBANK                                  | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 40%  | 0%   | 40%  | 0%   | 18,500        |
| 7   | ANV   | HOSE | Công ty Cổ phần Nam Việt  | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 33,100        |
| 8   | ASM   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai                                      | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 7,700         |
| 9   | AST   | HOSE | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco                             | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 60%  | 0%   | 60%  | 0%   | 73,100        |
| 10  | BAF   | HOSE | Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam                              | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 40%  | 0%   | 40%  | 0%   | 36,000        |
| 11  | BCM   | HOSE | Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP              | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 40%  | 0%   | 40%  | 0%   | 71,900        |
| 12  | BFC   | HOSE | Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền                                    | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 78,400        |
| 13  | BIC   | HOSE | Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 80%  | 0%   | 80%  | 0%   | 36,000        |
| 14  | BID   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam            | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 42,300        |
| 15  | BMC   | HOSE | Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định                                  | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 28%  | 0%   | 28%  | 0%   | 18,000        |
| 16  | BMP   | HOSE | Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh  | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 177,000       |
| 17  | BSI   | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV                                      | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 32%  | 0%   | 32%  | 0%   | 45,100        |
| 18  | BSR   | HOSE | Công ty Cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn                                  | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 28,400        |

| STT | Mã CK | Sàn  | Tên công ty   | Tỷ lệ cho vay (%) | Tỷ lệ ký quỹ (%) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb | Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a) | Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a) | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b) | Giá chặn (Pm) |
|-----|-------|------|---|-------------------|------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|--|--|--|--|---------------|
| 19  | BVH   | HOSE | Tập đoàn Bảo Việt   | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 63,800        |
| 20  | BWE   | HOSE | Công ty Cổ phần - Tổng công ty Nước - Môi trường Bình Dương     | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 70%  | 0%   | 46,700        |
| 21  | CCL   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long    | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 7,300         |
| 22  | CDC   | HOSE | Công ty Cổ phần Chương Dương                                    | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 25,100        |
| 23  | CHP   | HOSE | Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung                            | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 56%  | 0%   | 31,000        |
| 24  | CII   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh   | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 22,400        |
| 25  | CKG   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn CIC                                    | 0%                | 100%             | 20%                                 | 0%                                  | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 13,400        |
| 26  | CLC   | HOSE | Công ty Cổ phần Cát Lợi   | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 14%  | 0%   | 14%  | 0%   | 56,300        |
| 27  | CLL   | HOSE | Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái                                    | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 14%  | 0%   | 14%  | 0%   | 41,600        |
| 28  | CMG   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC                          | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 70%  | 0%   | 38,700        |
| 29  | CNG   | HOSE | Công ty Cổ phần CNG Việt Nam                                    | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 80%  | 0%   | 80%  | 0%   | 27,800        |
| 30  | CRE   | HOSE | Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỳ                             | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 28%  | 0%   | 28%  | 0%   | 12,300        |
| 31  | CSM   | HOSE | Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam                     | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 42%  | 0%   | 42%  | 0%   | 14,000        |
| 32  | CSV   | HOSE | Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam                        | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 33,400        |
| 33  | CTD   | HOSE | Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons                              | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 40%  | 0%   | 40%  | 0%   | 98,400        |
| 34  | CTF   | HOSE | Công ty Cổ phần City Auto                                       | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 20,400        |
| 35  | CTG   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam               | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 43,500        |
| 36  | CTI   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO             | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 80%  | 0%   | 80%  | 0%   | 26,000        |
| 37  | CTR   | HOSE | Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel                         | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 93,200        |
| 38  | CTS   | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietinbank                          | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 24%  | 0%   | 24%  | 0%   | 36,400        |
| 39  | D2D   | HOSE | Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2              | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 42%  | 0%   | 42%  | 0%   | 38,000        |
| 40  | DBC   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam                        | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 29,100        |
| 41  | DBD   | HOSE | Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR) | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 59,000        |
| 42  | DC4   | HOSE | Công ty Cổ phần Dicera Holdings                                 | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 60%  | 0%   | 60%  | 0%   | 18,200        |

| STT | Mã CK   | Sàn  | Tên công ty   | Tỷ lệ cho vay (%) | Tỷ lệ ký quỹ (%) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb | Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a) | Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a) | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b) | Giá chặn (Pm) |
|-----|---------|------|---|-------------------|------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|--|--|--|--|---------------|
| 43  | DCL     | HOSE | Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long                          | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 16%  | 0%   | 16%  | 0%   | 35,100        |
| 44  | DCM     | HOSE | Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Phân bón Dầu Khí Cà Mau      | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 52,300        |
| 45  | DGW     | HOSE | Công ty Cổ phần Thế Giới Số                                 | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 70%  | 0%   | 52,100        |
| 46  | DHA     | HOSE | Công ty Cổ phần Hóa An                                      | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 56%  | 0%   | 54,000        |
| 47  | DHC     | HOSE | Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre                            | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 48,400        |
| 48  | DHG     | HOSE | Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang                              | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 106,300       |
| 49  | DIG     | HOSE | Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng             | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 80%  | 0%   | 80%  | 0%   | 25,200        |
| 50  | DMC     | HOSE | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO                 | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 40%  | 0%   | 40%  | 0%   | 92,300        |
| 51  | DPG     | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương                         | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 32%  | 0%   | 32%  | 0%   | 46,500        |
| 52  | DPM     | HOSE | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 100%   | 0%   | 29,400        |
| 53  | DPR     | HOSE | Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú                             | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 49,300        |
| 54  | DRC     | HOSE | Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng                              | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 70%  | 0%   | 17,700        |
| 55  | DRL     | HOSE | Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3                      | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 14%  | 0%   | 14%  | 0%   | 61,300        |
| 56  | DSC     | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC                             | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 8%   | 0%   | 8%   | 0%   | 18,400        |
| 57  | DSE     | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE                            | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 32%  | 0%   | 32%  | 0%   | 26,000        |
| 58  | DSN     | HOSE | Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen                      | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 14%  | 0%   | 14%  | 0%   | 57,200        |
| 59  | DVP     | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ           | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 42%  | 0%   | 42%  | 0%   | 86,000        |
| 60  | DXG     | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh                           | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 80%  | 0%   | 18,400        |
| 61  | DXS     | HOSE | Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh               | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 42%  | 0%   | 42%  | 0%   | 10,000        |
| 62  | E1VFN30 | HOSE | Quỹ ETF DCVFMVN30   | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 32,300        |
| 63  | EIB     | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam        | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 100%   | 0%   | 25,000        |
| 64  | ELC     | HOSE | Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM                | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 70%  | 0%   | 23,000        |
| 65  | EVF     | HOSE | Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện Lực                 | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 56%  | 0%   | 14,000        |
| 66  | FCN     | HOSE | Công ty Cổ phần FECON                                       | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 17,000        |
| 67  | FMC     | HOSE | Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta                            | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 46,600        |
| 68  | FPT     | HOSE | Công ty Cổ phần FPT   | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 97,400        |

| STT | Mã CK    | Sàn  | Tên công ty   | Tỷ lệ cho vay (%) | Tỷ lệ ký quỹ (%) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb | Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a) | Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a) | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b) | Giá chặn (Pm) |
|-----|----------|------|---|-------------------|------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|--|--|--|--|---------------|
| 69  | FRT      | HOSE | Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT                        | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 0%   | 0%   | 80%  | 0%   | 152,100       |
| 70  | FTS      | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT                               | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 32%  | 0%   | 32%  | 0%   | 37,600        |
| 71  | FUEVFVND | HOSE | Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND                                       | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 36,500        |
| 72  | GAS      | HOSE | Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần                   | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 86,200        |
| 73  | GEE      | HOSE | Công ty Cổ phần Điện lực Gelex                                | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 60%  | 0%   | 60%  | 0%   | 138,500       |
| 74  | GEG      | HOSE | Công ty Cổ phần Điện Gia Lai                                  | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 56%  | 0%   | 16,200        |
| 75  | GEX      | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex                                | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 100%   | 0%   | 44,500        |
| 76  | GMD      | HOSE | Công ty Cổ phần Gemadept                                      | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 81,800        |
| 77  | GSP      | HOSE | Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế                  | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 40%  | 0%   | 40%  | 0%   | 21,200        |
| 78  | GVR      | HOSE | Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần        | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 39,700        |
| 79  | HAG      | HOSE | Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai                             | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 17,500        |
| 80  | HAH      | HOSE | Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An                      | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 66,000        |
| 81  | HAX      | HOSE | Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh                        | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 32%  | 0%   | 32%  | 0%   | 14,200        |
| 82  | HCM      | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh             | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 100%   | 0%   | 30,200        |
| 83  | HDB      | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 25,000        |
| 84  | HDC      | HOSE | Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu                | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 28,900        |
| 85  | HDG      | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô                                | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 29,100        |
| 86  | HHP      | HOSE | Công ty Cổ phần HHP Global                                    | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 12,300        |
| 87  | HHS      | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy                      | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 56%  | 0%   | 16,500        |
| 88  | HHV      | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả              | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 70%  | 0%   | 14,100        |
| 89  | HPG      | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát                             | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 32,300        |
| 90  | HPX      | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát                               | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 8%   | 0%   | 8%   | 0%   | 7,000         |
| 91  | HSG      | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen                              | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 70%  | 0%   | 17,600        |
| 92  | HT1      | HOSE | Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên                         | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 60%  | 0%   | 60%  | 0%   | 15,900        |
| 93  | HTG      | HOSE | Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ                          | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 14%  | 0%   | 14%  | 0%   | 56,000        |

| STT | Mã CK | Sàn  | Tên công ty  | Tỷ lệ cho vay (%) | Tỷ lệ ký quỹ (%) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb | Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a) | Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a) | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b) | Giá chặn (Pm) |
|-----|-------|------|--|-------------------|------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|--|--|--|--|---------------|
| 94  | IDI   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I   | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 24%  | 0%   | 24%  | 0%   | 7,600         |
| 95  | IJC   | HOSE | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật              | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 70%  | 0%   | 19,500        |
| 96  | ILB   | HOSE | Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình                 | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 14%  | 0%   | 14%  | 0%   | 28,500        |
| 97  | IMP   | HOSE | Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM                      | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 52,200        |
| 98  | ITC   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà                  | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 28%  | 0%   | 28%  | 0%   | 13,800        |
| 99  | KBC   | HOSE | Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc                  | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 40%  | 0%   | 100%   | 0%   | 35,000        |
| 100 | KDC   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO                            | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 70%  | 0%   | 60,000        |
| 101 | KDH   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền      | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 100%   | 0%   | 30,900        |
| 102 | KHG   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land                  | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 7,100         |
| 103 | KHP   | HOSE | Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa                       | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 14%  | 0%   | 14%  | 0%   | 14,100        |
| 104 | KSB   | HOSE | Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương        | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 56%  | 0%   | 18,300        |
| 105 | LBM   | HOSE | Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 40%  | 0%   | 40%  | 0%   | 37,600        |
| 106 | LCG   | HOSE | Công ty Cổ phần Lizen                                    | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 56%  | 0%   | 13,100        |
| 107 | LHG   | HOSE | Công ty Cổ phần Long Hậu                                 | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 42%  | 0%   | 42%  | 0%   | 39,000        |
| 108 | LIX   | HOSE | Công ty Cổ phần Bột Giặt LIX                             | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 80%  | 0%   | 80%  | 0%   | 34,400        |
| 109 | LPB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam           | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 45,000        |
| 110 | LSS   | HOSE | Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn                        | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 16%  | 0%   | 16%  | 0%   | 18,000        |
| 111 | MBB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội                    | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 34,700        |
| 112 | MCM   | HOSE | Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu                    | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 60%  | 0%   | 60%  | 0%   | 35,900        |
| 113 | MIG   | HOSE | Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội                   | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 80%  | 0%   | 80%  | 0%   | 20,600        |
| 114 | MSB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam           | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 15,000        |
| 115 | MSH   | HOSE | Công ty Cổ phần May Sóng Hồng                            | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 42,300        |
| 116 | MSN   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan                           | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 91,900        |
| 117 | MWG   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động                  | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 88,300        |
| 118 | NAB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á                       | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 70%  | 0%   | 17,000        |

| STT | Mã CK | Sàn  | Tên công ty   | Tỷ lệ cho vay (%) | Tỷ lệ ký quỹ (%) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb | Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a) | Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a) | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b) | Giá chặn (Pm) |
|-----|-------|------|---|-------------------|------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|--|--|--|--|---------------|
| 119 | NAF   | HOSE | Công ty Cổ phần Nafoods Group                           | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 32%  | 0%   | 32%  | 0%   | -             |
| 120 | NCT   | HOSE | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài                | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 60%  | 0%   | 60%  | 0%   | 135,900       |
| 121 | NHA   | HOSE | Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 24%  | 0%   | 24%  | 0%   | 21,900        |
| 122 | NHH   | HOSE | Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội                             | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 40%  | 0%   | 40%  | 0%   | 18,400        |
| 123 | NKG   | HOSE | Công ty Cổ phần Thép Nam Kim                            | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 70%  | 0%   | 15,900        |
| 124 | NLG   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long                         | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 100%   | 0%   | 39,400        |
| 125 | NNC   | HOSE | Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ                              | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 14%  | 0%   | 14%  | 0%   | 61,700        |
| 126 | NSC   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam       | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 40%  | 0%   | 40%  | 0%   | 97,000        |
| 127 | NT2   | HOSE | Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2           | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 31,000        |
| 128 | NTL   | HOSE | Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm               | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 40%  | 0%   | 40%  | 0%   | 18,200        |
| 129 | NVL   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va            | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 24%  | 0%   | 60%  | 0%   | 15,500        |
| 130 | OCB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông                | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 14,800        |
| 131 | OPC   | HOSE | Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPC                           | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 40%  | 0%   | 40%  | 0%   | 27,300        |
| 132 | ORS   | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong                  | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 24%  | 0%   | 24%  | 0%   | 12,500        |
| 133 | PAC   | HOSE | Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam                     | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 42%  | 0%   | 42%  | 0%   | 27,200        |
| 134 | PAN   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN                            | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 63,700        |
| 135 | PC1   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1                            | 0%                | 100%             | 100%                                | 0%                                  | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 25,200        |
| 136 | PDN   | HOSE | Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai                           | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 40%  | 0%   | 40%  | 0%   | 110,000       |
| 137 | PDR   | HOSE | Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt        | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 32%  | 0%   | 80%  | 0%   | 28,000        |
| 138 | PET   | HOSE | Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí           | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 38,100        |
| 139 | PGC   | HOSE | Tổng Công ty Gas Petrolimex - Công ty Cổ phần           | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 42%  | 0%   | 42%  | 0%   | 21,400        |
| 140 | PGI   | HOSE | Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex                | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 14%  | 0%   | 14%  | 0%   | 29,500        |
| 141 | PHR   | HOSE | Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa                        | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 72,600        |
| 142 | PLX   | HOSE | Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam                              | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 45,900        |
| 143 | PNJ   | HOSE | Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận               | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 98,600        |
| 144 | POW   | HOSE | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP           | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 100%   | 0%   | 14,300        |

| STT | Mã CK | Sàn  | Tên công ty  | Tỷ lệ cho vay (%) | Tỷ lệ ký quỹ (%) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb | Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a) | Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a) | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b) | Giá chặn (Pm) |
|-----|-------|------|--|-------------------|------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|--|--|--|--|---------------|
| 145 | PPC   | HOSE | Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại                       | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 60%  | 0%   | 60%  | 0%   | 11,700        |
| 146 | PTB   | HOSE | Công ty Cổ phần Phú Tài                                  | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 62,900        |
| 147 | PVD   | HOSE | Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí      | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 36,200        |
| 148 | PVP   | HOSE | Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương          | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 60%  | 0%   | 60%  | 0%   | 29,800        |
| 149 | PVT   | HOSE | Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí                     | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 35,200        |
| 150 | RAL   | HOSE | Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông            | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 14%  | 0%   | 14%  | 0%   | 139,200       |
| 151 | REE   | HOSE | Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh                             | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 76,400        |
| 152 | SAB   | HOSE | Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 54,300        |
| 153 | SAM   | HOSE | Công ty Cổ phần SAM Holdings                             | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 16%  | 0%   | 16%  | 0%   | 8,100         |
| 154 | SBA   | HOSE | Công ty Cổ phần Sông Ba                                  | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 14%  | 0%   | 14%  | 0%   | 29,900        |
| 155 | SBT   | HOSE | Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa              | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 25,000        |
| 156 | SCR   | HOSE | Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín                | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 32%  | 0%   | 32%  | 0%   | 8,300         |
| 157 | SCS   | HOSE | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn                 | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 75,500        |
| 158 | SGN   | HOSE | Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn                  | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 40%  | 0%   | 40%  | 0%   | 68,100        |
| 159 | SGR   | HOSE | Công ty Cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn      | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 24,900        |
| 160 | SHB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội            | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 16,000        |
| 161 | SHI   | HOSE | Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà                           | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 11,000        |
| 162 | SHP   | HOSE | Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam                       | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 14%  | 0%   | 14%  | 0%   | 36,500        |
| 163 | SIP   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG                       | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 70%  | 0%   | 71,800        |
| 164 | SJD   | HOSE | Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn                        | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 42%  | 0%   | 42%  | 0%   | 26,500        |
| 165 | SJS   | HOSE | Công ty Cổ phần SJ Group                                 | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 42%  | 0%   | 42%  | 0%   | 52,000        |
| 166 | SKG   | HOSE | Công ty Cổ phần Tàu Cao tốc Superdong - Kiên Giang       | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 56%  | 0%   | 16,600        |
| 167 | SMB   | HOSE | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung                 | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 20%  | 0%   | 20%  | 0%   | 42,300        |
| 168 | SSB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á                  | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 18,400        |
| 169 | SSI   | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI                          | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 32,800        |
| 170 | STB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín          | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 65,000        |

| STT | Mã CK | Sàn  | Tên công ty  | Tỷ lệ cho vay (%) | Tỷ lệ ký quỹ (%) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb | Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a) | Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a) | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b) | Giá chặn (Pm) |
|-----|-------|------|--|-------------------|------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|--|--|--|--|---------------|
| 171 | SZC   | HOSE | Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức                          | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 70%  | 0%   | 34,700        |
| 172 | SZL   | HOSE | Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành                        | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 28%  | 0%   | 28%  | 0%   | 56,900        |
| 173 | TCB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam            | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 40,100        |
| 174 | TCH   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy         | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 25,200        |
| 175 | TCI   | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công                     | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 10,500        |
| 176 | TCL   | HOSE | Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng   | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 60%  | 0%   | 60%  | 0%   | 73,500        |
| 177 | TCM   | HOSE | Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công   | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 29,000        |
| 178 | TCX   | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương                      | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 70%  | 0%   | 60,500        |
| 179 | TDC   | HOSE | Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương        | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 24%  | 0%   | 24%  | 0%   | 12,300        |
| 180 | TDM   | HOSE | Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một                           | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 56%  | 0%   | 57,000        |
| 181 | THG   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang              | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 56%  | 0%   | 62,500        |
| 182 | TIP   | HOSE | Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa       | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 42%  | 0%   | 42%  | 0%   | 29,100        |
| 183 | TLG   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long                        | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 54,000        |
| 184 | TMS   | HOSE | Công ty Cổ phần Transimex                                  | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 20%  | 0%   | 20%  | 0%   | 41,200        |
| 185 | TPB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong                    | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 23,000        |
| 186 | TRA   | HOSE | Công ty Cổ phần Traphaco                                   | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 40%  | 0%   | 40%  | 0%   | 96,000        |
| 187 | TRC   | HOSE | Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh                            | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 56%  | 0%   | 121,300       |
| 188 | TTA   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 42%  | 0%   | 42%  | 0%   | 15,200        |
| 189 | TV2   | HOSE | Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2                     | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 80%  | 0%   | 80%  | 0%   | 37,900        |
| 190 | TVS   | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt                     | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 14%  | 0%   | 14%  | 0%   | 19,100        |
| 191 | VAB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á                        | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 56%  | 0%   | 15,800        |
| 192 | VCB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam         | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 73,200        |
| 193 | VCG   | HOSE | Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam   | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 100%   | 0%   | 26,000        |

| STT | Mã CK | Sàn  | Tên công ty                                       | Tỷ lệ cho vay (%) | Tỷ lệ ký quỹ (%) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb | Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a) | Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a) | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b) | Giá chặn (Pm) |
|-----|-------|------|---|-------------------|------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|--|--|--|--|---------------|
| 194 | VCI   | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap               | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 100%   | 0%   | 38,000        |
| 195 | VDS   | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt             | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 56%  | 0%   | 19,000        |
| 196 | VFG   | HOSE | Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam                | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 56%  | 0%   | 74,800        |
| 197 | VGC   | HOSE | Tổng Công ty Viglacera - Công ty Cổ phần          | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 51,200        |
| 198 | VHC   | HOSE | Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn                         | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 89,500        |
| 199 | VHM   | HOSE | Công ty Cổ phần Vinhomes                          | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 80%  | 0%   | 80%  | 0%   | 104,000       |
| 200 | VIB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam     | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 22,600        |
| 201 | VIC   | HOSE | Tập đoàn Vingroup - Công ty CP                    | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 80%  | 0%   | 73,500        |
| 202 | VIP   | HOSE | Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO            | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 56%  | 0%   | 16,700        |
| 203 | VIX   | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX                   | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 30,000        |
| 204 | VJC   | HOSE | Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet                | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 80%  | 0%   | 123,800       |
| 205 | VND   | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT              | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 100%   | 0%   | 20,300        |
| 206 | VNM   | HOSE | Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam                      | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 71,500        |
| 207 | VPB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 31,400        |
| 208 | VPD   | HOSE | Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam      | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 14%  | 0%   | 14%  | 0%   | 26,900        |
| 209 | VPI   | HOSE | Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Văn Phú   | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 32%  | 0%   | 80%  | 0%   | 50,000        |
| 210 | VPL   | HOSE | Công ty Cổ phần Vinpearl                          | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 80,000        |
| 211 | VRE   | HOSE | Công ty Cổ phần Vincom Retail                     | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 33,000        |
| 212 | VSC   | HOSE | Công ty Cổ phần Container Việt Nam                | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 70%  | 0%   | 23,900        |
| 213 | VTP   | HOSE | Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel            | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 70%  | 0%   | 108,100       |
| 214 | YEG   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1                    | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 56%  | 0%   | 14,300        |
| 215 | BAB   | HNX  | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á                | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 14%  | 0%   | 14%  | 0%   | 13,100        |
| 216 | BVS   | HNX  | Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt              | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 40%  | 0%   | 40%  | 0%   | 35,200        |
| 217 | CAP   | HNX  | Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái    | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 14%  | 0%   | 14%  | 0%   | 47,800        |
| 218 | CEO   | HNX  | Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O                    | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 80%  | 0%   | 80%  | 0%   | 22,000        |
| 219 | DHT   | HNX  | Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây                  | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 60%  | 0%   | 60%  | 0%   | 54,000        |

| STT | Mã CK | Sàn | Tên công ty  | Tỷ lệ cho vay (%) | Tỷ lệ ký quỹ (%) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb | Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a) | Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a) | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b) | Giá chặn (Pm) |
|-----|-------|-----|--|-------------------|------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|--|--|--|--|---------------|
| 220 | DP3   | HNX | Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương 3                     | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 14%  | 0%   | 14%  | 0%   | 66,600        |
| 221 | DTD   | HNX | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt                | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 56%  | 0%   | 20,000        |
| 222 | DVM   | HNX | Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam                         | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 24%  | 0%   | 24%  | 0%   | 13,800        |
| 223 | DXP   | HNX | Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá                               | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 28%  | 0%   | 28%  | 0%   | 25,800        |
| 224 | HGM   | HNX | Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang              | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 14%  | 0%   | 14%  | 0%   | 201,500       |
| 225 | HUT   | HNX | Công ty Cổ phần Tasco                                      | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 32%  | 0%   | 32%  | 0%   | 17,000        |
| 226 | HVT   | HNX | Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Tri                          | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 60%  | 0%   | 60%  | 0%   | 37,400        |
| 227 | IDC   | HNX | Tổng Công ty IDICO - CTCP                                  | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 51,300        |
| 228 | IDV   | HNX | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc               | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 8%   | 0%   | 8%   | 0%   | 26,700        |
| 229 | INN   | HNX | Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp                   | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 20%  | 0%   | 20%  | 0%   | 77,900        |
| 230 | IPA   | HNX | Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A                      | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 32,100        |
| 231 | KSV   | HNX | Tổng Công ty Khoáng sản TKV - Công ty Cổ phần              | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 40%  | 0%   | 40%  | 0%   | 160,600       |
| 232 | LAS   | HNX | Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao        | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 56%  | 0%   | 20,400        |
| 233 | LHC   | HNX | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng       | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 40%  | 0%   | 40%  | 0%   | 94,700        |
| 234 | MBS   | HNX | Công ty Cổ phần Chứng khoán MB                             | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 32%  | 0%   | 32%  | 0%   | 30,600        |
| 235 | NDN   | HNX | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng              | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 8%   | 0%   | 8%   | 0%   | 13,700        |
| 236 | NTP   | HNX | Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong                 | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 67,000        |
| 237 | PGS   | HNX | Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam                    | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 20%  | 0%   | 20%  | 0%   | 48,000        |
| 238 | PLC   | HNX | Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - Công ty Cổ phần          | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 32%  | 0%   | 32%  | 0%   | 29,100        |
| 239 | PMC   | HNX | Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic              | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 14%  | 0%   | 14%  | 0%   | 142,900       |
| 240 | PVB   | HNX | Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam                   | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 8%   | 0%   | 8%   | 0%   | 33,200        |
| 241 | PVC   | HNX | Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty Cổ phần | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 24%  | 0%   | 24%  | 0%   | 18,100        |
| 242 | PVI   | HNX | Công ty Cổ phần PVI  | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 70%  | 0%   | 82,800        |
| 243 | PVS   | HNX | Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam     | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 47,500        |
| 244 | S99   | HNX | Công ty Cổ phần SCI  | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 14%  | 0%   | 14%  | 0%   | 9,300         |

| STT | Mã CK | Sàn | Tên công ty  | Tỷ lệ cho vay (%) | Tỷ lệ ký quỹ (%) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo (%) SSRa | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua (%) SSRb | Tỷ lệ tính TSĐB đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(a) | Tỷ lệ tính TS sức mua đ/v quyền = cổ phiếu (%) RSSR(b) | Tỷ lệ tính Tài sản đảm bảo đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(a) | Tỷ lệ tính Tài sản sức mua đ/v cổ tức = tiền (%) RCSR(b) | Giá chặn (Pm) |
|-----|-------|-----|--|-------------------|------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|--|--|--|--|---------------|
| 245 | SHS   | HNX | Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội           | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 100%   | 0%   | 20,500        |
| 246 | SLS   | HNX | Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La                       | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 40%  | 0%   | 40%  | 0%   | 186,300       |
| 247 | SZB   | HNX | Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình                     | 10%               | 90%              | 20%                                 | 20%                                 | 14%  | 0%   | 14%  | 0%   | 45,200        |
| 248 | TIG   | HNX | Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long             | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 8,400         |
| 249 | TNG   | HNX | Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG               | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 70%  | 0%   | 70%  | 0%   | 25,000        |
| 250 | VC3   | HNX | Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông                   | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 56%  | 0%   | 56%  | 0%   | 20,000        |
| 251 | VCS   | HNX | Công ty Cổ phần VICOSTONE                              | 50%               | 50%              | 100%                                | 100%                                | 100%   | 0%   | 100%   | 0%   | 58,000        |
| 252 | VFS   | HNX | Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt                  | 30%               | 70%              | 60%                                 | 60%                                 | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 18,700        |
| 253 | VGS   | HNX | Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE            | 40%               | 60%              | 80%                                 | 80%                                 | 80%  | 0%   | 80%  | 0%   | 33,500        |
| 254 | VNR   | HNX | Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam    | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 40%  | 0%   | 40%  | 0%   | 28,000        |
| 255 | VTZ   | HNX | Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành | 20%               | 80%              | 40%                                 | 40%                                 | 0%   | 0%   | 0%   | 0%   | 18,700        |